

**PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HUYỆN VĂN QUAN NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: 120 /KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Văn Quan)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch tối thiểu từ đầu năm đến ngày 30/3/2024		Kế hoạch tối thiểu từ đầu năm đến ngày 30/6/2024		Kế hoạch giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/9/2024		Kế hoạch giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/12/2024		Ghi chú
			Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	
1	2	4	6	7=6/4	8	9=8/4	10	11=10/4	12	13=12/4	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>206.657,336</b>	-		<b>75.576</b>		<b>121.585</b>		<b>206.657,336</b>		
<b>I</b>	<b>Ngân sách Địa phương</b>	<b>33.756</b>	-		<b>6.416</b>		<b>17.844</b>		<b>33.756</b>		
1	Các dự án ngân sách tỉnh quản lý - có CĐT là BQL cấp huyện, thành phố	1.281			512	40%	897	70%	1.281	100%	
-	Dự án chuyển tiếp	1.281			512	40%	897	70%	1.281	100%	
2	NST đối ứng CT MTQG xây dựng Nông thôn mới	14.303,482			165,482		5.820,682	40%	14.303,482	100%	
-	Vốn Ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí	3.138					1.255	40%	3.138	100%	
	Dự án Khởi công mới năm 2024	3.138					1.255	40%	3.138	100%	
-	Vốn thu từ sử dụng đất	11.000					4.400		11.000		
	Dự án Khởi công mới năm 2024	11.000					4.400	40%	11.000	100%	
-	Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang 2024	165,482			165,482	100%	165,482	100%	165,482	100%	
3	Các công trình năm 2021, năm 2023 thuộc đề án phát triển GTNT tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-	1.481					592		1.481		
-	Dự án chuyển tiếp	1.481					592	40%	1.481	100%	
4	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	9.963			3.048		5.998		9.963		
-	Dự án hoàn thành	1.821			1.821	100%	1.821	100%	1.821	100%	
-	Dự án chuyển tiếp	3.068			1.227	40%	2.148	70%	3.068	100%	
-	Khởi công mới năm 2024	5.074					2.030	40%	5.074	100%	
5	Nguồn vốn thu sử dụng đất	4.728			2.290		3.436		4.728		
-	Dự án hoàn thành	1.150			1.150	100%	1.150	100%	1.150	100%	
-	Dự án chuyển tiếp	2.850			1.140	40%	1.995	70%	2.850	100%	
-	Khởi công mới năm 2024	728					291	40%	728	100%	
6	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi chuyển nguồn từ 2023 sang 2024	2.000			400		1.100		2.000		
-	Dự án chuyển tiếp	1.000			400	40%	700	70%	1.000	100%	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024	Kế hoạch tối thiểu từ đầu năm đến ngày 30/3/2024		Kế hoạch tối thiểu từ đầu năm đến ngày 30/6/2024		Kế hoạch giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/9/2024		Kế hoạch giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/12/2024		Ghi chú
			Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	Kết quả giải ngân	Tỷ lệ giải ngân (%)	
1	2	4	6	7=6/4	8	9=8/4	10	11=10/4	12	13=12/4	14
-	Khởi công mới năm 2024	1.000					400	40%	1.000	100%	
<b>II</b>	<b>Vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG</b>	<b>172.900,854</b>			<b>69.160,342</b>		<b>103.740,513</b>		<b>172.900,854</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn Kế hoạch năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện</b>	<b>1.146,948</b>			<b>458,779</b>		<b>688,169</b>		<b>1.146,948</b>		
-	Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.146,888			458,755	40%	688,133	60%	1.146,888	100%	
-	Giảm nghèo bền vững	0,060			0,024	40%	0,036	60%	0,060	100%	
<b>2</b>	<b>Vốn Kế hoạch năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện</b>	<b>52.748,691</b>			<b>21.099,477</b>		<b>31.649,215</b>		<b>52.748,691</b>		
	Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.419,537			2.167,815	40%	3.251,722	60%	5.420	100%	
	Giảm nghèo bền vững	47.329,154			18.931,662	40%	28.397,492	60%	47.329	100%	
<b>3</b>	<b>Vốn thuộc Kế hoạch năm 2024</b>	<b>119.005</b>	-	-	<b>47.602</b>		<b>71.403</b>		<b>119.005</b>		
-	Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	52.411			20.964	40%	31.447	60%	52.411	100%	
-	Giảm nghèo bền vững	61.143			24.457	40%	36.686	60%	61.143	100%	
-	Xây dựng nông thôn mới	5.451			2.180	40%	3.271	60%	5.451	100%	